

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Kim Thị Sà Mết
- Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Quách Kim T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Chị Kim Thị L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1970 và ông Trần Văn S, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Ông Nguyễn Trường V và bà Hồng Kim N. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh Quách Kim T có mặt; chị Kim Thị L, bà Huỳnh Thị L1 và ông Trần Văn S xin vắng mặt; ông Nguyễn Trường V và bà Hồng Kim N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Quách Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn vào đầu năm

2021, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/01/2021. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Kim Thị L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị L có 01 con chung là cháu Quách Kim A, sinh ngày 20/10/2021. Hiện cháu A đang sống cùng với chị L. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Trường hợp chị L không đồng ý nuôi cháu A thì anh đồng ý nuôi cháu A và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 sợi dây chuyền vàng loại 18K, trọng lượng 09 chỉ; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Winner, trị giá khoảng 20.000.000 đồng; toàn bộ hàng hóa còn lại của cửa hàng vật liệu điện nước khoảng 60.000.000 đồng; số tiền 21.000.000 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Trường V và bà Hồng Kim Ngọc m. Tuy nhiên, nay anh xin rút lại yêu cầu chia tài sản đối với gồm 01 sợi dây chuyền vàng loại 18K, trọng lượng 09 chỉ; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Winner, trị giá khoảng 20.000.000 đồng và số tiền 2.000.000 đồng cho ông V và bà N mượn. Đối với tài sản là toàn bộ hàng hóa còn lại của cửa hàng vật liệu điện nước thì anh xác định lại giá trị thực tế là 100.000.000 đồng. Do hiện nay anh đang quản lý, sử dụng toàn bộ hàng hóa của cửa hàng vật liệu điện nước nên anh đồng ý hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị, tức là trả cho chị L 50.000.000 đồng. Đối với số tiền 19.000.000 đồng cho ông V và bà Ngọc m thì anh yêu cầu được nhận toàn bộ số tiền này.

Về nợ chung: Anh và chị L nợ của bà L1 và ông S số tiền là 50.000.000 đồng. Anh yêu cầu chia đôi số nợ này. Tuy nhiên, hiện nay ông S và bà L1 đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc đòi anh và chị L số tiền 50.000.000 đồng thì anh thống nhất và không có ý kiến; đồng thời anh xin rút lại yêu cầu chia đôi số tiền nợ của bà L1 và ông S là 50.000.000 đồng.

Bị đơn chị Kim Thị L trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, con chung. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn được. Về con chung thì chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, hiện cháu A đang sống cùng với chị. Về cấp dưỡng nuôi con, chị yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ ngày xét xử vụ cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Về tài sản chung thì chị thống nhất với lời trình bày của anh T là hiện nay chị và anh T có tài sản chung là hàng hóa trong cửa hàng vật liệu điện nước với giá trị 100.000.000 đồng. Nay chị đồng ý chia đôi tài sản này và chị yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị bằng số tiền 50.000.000 đồng. Hiện tài sản này do anh T quản lý, sử dụng. Đối với số tiền mà ông V và bà N mượn 21.000.000 đồng thì đây là tài sản của vợ chồng nên chị đồng ý giao cho anh T được nhận toàn bộ số tiền này.

Đối với khoản nợ bà L1 và ông S, hiện nay bà L1 và ông S đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập thì chị đồng ý và không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L1 và ông Trần Văn S trình bày: Ông bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Trước đây, ông bà có yêu cầu độc lập buộc anh T và chị L trả số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay đã thỏa thuận xong nên ông bà đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Ngoài ra, ông bà không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trường V và bà Hồng Kim N trình bày: Ông bà có mượn của bà L số tiền là 21.000.000 đồng. Tuy nhiên, đã trả 2.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 19.000.000 đồng. Việc trả tiền cho chị L thì không có làm biên nhận gì.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 59, 81, 82, 110 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L ; về con chung: Giao cháu Quách Kim A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu chia 01 sợi dây chuyền loại 18K, trọng lượng 09 chỉ ; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Winner, trị giá 20.000.000 đồng, số tiền cho ông V và bà Ngọc m là 2.000.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T, chia đôi tài sản chung là toàn bộ hàng hóa còn lại của cửa hàng vật liệu điện nước có giá trị thực tế 100.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc giao số tiền 19.000.000 đồng cho anh T từ khoản nợ của ông V và bà N. Buộc anh T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà L $\frac{1}{2}$ giá trị hàng hóa là 50.000.000 đồng, buộc ông V và bà N có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền là 19.000.000 đồng. Về nợ chung : Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu chia đôi khoản nợ chung là 50.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông S và bà L1 về việc yêu cầu anh T và chị L trả số tiền 50.000.000 đồng. Về án phí, các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh T khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với bị đơn chị Kim Thị L nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L hiện đang cư trú tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập chị L, bà L1, ông S, ông V và bà N tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị L, bà L1 và ông S xin vắng mặt; còn ông V và bà N vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, bà L1, ông S, ông V và bà N.

[3] Anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài chung là 01 sợi dây chuyền loại 18K, trọng lượng 09 chỉ ; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Winner, trị giá 20.000.000 đồng, số tiền cho ông V và bà Ngọc m là 2.000.000 đồng, số tiền nợ bà L1 và ông S là 50.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị L1 và ông Trần Văn S rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu anh T và chị L trả số tiền 50.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu của anh T; bà L1 và ông S là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này.

[4] Quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/01/2021 nên hôn nhân của anh T và chị L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh T và chị L xác định, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Anh T yêu cầu ly hôn với chị L và chị L cũng đồng ý ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Quách Kim T với chị Kim Thị L.

[5] Về con chung: Anh T và chị L xác định, có 01 con chung tên là Quách Kim A, sinh ngày 21/01/2021. Ngoài ra, không còn người con nào khác. Hiện cháu A đang sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi cháu A. Xét thấy, cháu A đang sống cùng chị L, đồng thời anh T đồng ý giao cháu A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Để ổn định chỗ ở, sinh hoạt của cháu A cũng như điều kiện nuôi dưỡng của chị L nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh T đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L là 2.000.000 đồng/tháng cho nên ghi nhận sự tự nguyện của anh T, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 16/8/2024 đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung:

Anh T và chị L thống nhất tài sản chung là vật dụng của cửa hàng điện nước có giá trị là 100.000.000 đồng và đồng ý chia đôi. Hiện tất cả tài sản này do anh T quản lý, sử dụng. Anh T đồng ý hoàn lại cho chị L $\frac{1}{2}$ giá trị hàng hóa của cửa hàng điện nước là 50.000.000 đồng nên ghi nhận, buộc anh T có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền là 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh T yêu ông V và bà N trả số tiền cho mượn là 19.000.000 đồng. Ông V và bà N thừa nhận có mượn của chị L 21.000.000 đồng nhưng đã trả 2.000.000 đồng nên đồng ý trả 19.000.000 đồng. Anh T và chị L thống nhất số

tiền này do anh T nhận nên buộc ông V và bà N trả cho anh T số tiền 19.000.000 đồng.

[7] Về nợ chung: Bà L1 và ông S yêu cầu ông T và chị L trả số tiền 50.000.000 đồng nhưng đã rút toàn bộ yêu cầu; đồng thời anh T cũng rút yêu cầu chia số nợ 50.000.000 đồng của bà L1 và ông S. Ngoài ra, anh T và chị L xác định không còn nợ ai khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Án phí sơ thẩm:

Anh T phải chịu án phí thuận tình ly hôn, cấp dưỡng và tài sản chung được nhận bằng số tiền là 75.000 đồng + 300.000 đồng + 3.450.000 đồng = 3.825.000 đồng.

Chị L phải chịu án phí thuận tình ly hôn, tài sản chung được nhận bằng số tiền là 75.000 đồng + 2.500.000 đồng = 2.575.000 đồng.

Ông V và bà N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch bằng số tiền 950.000 đồng.

Bà L1 và ông S không phải chịu án phí.

[9] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 24, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Quách Kim T và chị Kim Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Kim A cho chị Kim Thị L trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu A đang sống cùng với chị L. Anh Quách Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Buộc anh Quách Kim T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 16/8/2024 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Quách Kim T đối với yêu cầu chia

tài chung là 01 sợi dây chuyền loại 18K, trọng lượng 09 chỉ ; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Winner, trị giá 20.000.000 đồng; số tiền cho ông V và bà Ngọc m là 2.000.000 đồng.

3.2. Buộc anh Quách Kim T có nghĩa vụ trả cho chị Kim Thị L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

3.3. Buộc ông Nguyễn Trường V và bà Hồng Kim N có nghĩa vụ trả cho anh Quách Kim T số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

4. Về nợ chung:

4.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Quách Kim T về việc yêu cầu chia nợ chung số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

4.2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị L1 và ông Trần Văn S yêu cầu anh Quách Kim T và chị Kim Thị L trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí sơ thẩm:

6.1. Buộc anh Quách Kim T phải nộp số tiền 3.825.000 đồng. Anh Quách Kim T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003733 ngày 31/10/2023 và số tiền 1.512.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003906 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên được chuyển thu án phí. Anh Quách Kim T chỉ còn phải nộp số tiền 1.713.000 đồng (một triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng).

6.2. Buộc chị Kim Thị L phải nộp số tiền 2.575.000 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

6.3. Buộc ông Nguyễn Trường V và bà Hồng Kim N phải nộp số tiền 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

6.4. Bà Huỳnh Thị L1 và ông Trần Văn S không phải nộp. Bà Huỳnh Thị L1 và ông Trần Văn S đã nộp tạm ứng số tiền 1.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003905 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Ủy ban nhân dân xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh